

## THÚC ĐẨY GIÁ TRỊ LIÊN KẾT DU LỊCH BIỂN ĐẢO TỈNH QUẢNG NINH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN ĐẾN NĂM 2030

Nguyễn Ngọc Khánh<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thu Nhung<sup>2</sup>, Phan Thị Huệ<sup>3\*</sup>

<sup>1</sup>Hội Địa lí Việt Nam; Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng

<sup>2</sup>Viện Địa lí, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Đại học Hạ Long

\* Email: ngoockhanhdmv@gmail.com

Ngày nhận bài: 02/04/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 10/05/2024

Ngày chấp nhận đăng: 16/05/2024

### TÓM TẮT

Tỉnh Quảng Ninh được xác định là trung tâm du lịch quốc gia, trụ cột của trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á. Quảng Ninh có nguồn lực nổi trội về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa. Dựa vào tiềm năng tài nguyên du lịch, bài viết đã đưa ra các giải pháp thúc đẩy giá trị liên kết du lịch biển đảo tỉnh Quảng Ninh như: tăng cường liên kết theo chiều ngang các tuyến du lịch với nhau; phát huy các giá trị liên kết cụm ngành; tổ chức du lịch theo các chuỗi đảo; xây dựng tuyến kết nối hành trình du lịch văn hóa – lễ hội biển – đảo. Đây cũng là định hướng nội dung nghiên cứu trong phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia số 1037/UBND-VHXXH ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Xây dựng mô hình liên kết phát triển bền vững kinh tế vùng bờ và biển đảo bắc vịnh Bắc Bộ: Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Quảng Ninh”.

**Từ khóa:** du lịch biển đảo, kinh tế biển, liên kết du lịch, tỉnh Quảng Ninh.

### PROMOTING THE VALUE OF SEA AND ISLAND TOURISM IN QUANG NINH PROVINCE TO SERVE MARINE ECONOMIC DEVELOPMENT BY 2030

#### ABSTRACT

Quang Ninh province is recognized as a national tourism hub, a pillar of a modern, international, leading marine economic center in Southeast Asia. Quang Ninh has outstanding resources in both natural and cultural tourism. Based on the potential of its tourism resources, the article has proposed solutions to promote the value of sea and island tourism linkages in Quang Ninh province, such as: strengthening horizontal linkages of tourism routes; promoting the interconnected values of industrial clusters; structuring tourism along island chains; establishing routes that connect cultural tourism, coastal festivals, and island experiences. These directions also align with the research agenda outlined in the proposal for national-level science and technology task No. 1037/UBND-VHXXH dated April 26, 2024, issued by the People’s Committee of Quang Ninh Province on “Developing a sustainable economic linkage model for the coastal and island areas of the northern Gulf of Tonkin: A case study in Quang Ninh province”.

**Keywords:** marine economy, Quang Ninh province, sea-island tourism, tourism linkages.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch là lĩnh vực tích hợp bao gồm các liên kết nội ngành về các nguồn tài nguyên, không gian du lịch và liên kết đa ngành với các ngành, lĩnh vực khác để tạo nguồn lực phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Quảng Ninh đã phát huy tối đa tiềm năng lợi thế đặc trưng về tự nhiên, yếu tố con người, xã hội, lịch sử văn hóa và đẩy mạnh liên kết vùng cho phát triển du lịch, để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP của tỉnh, góp phần thực hiện 03 đột phá chiến lược gắn chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, gắn với phát triển kinh tế biển, góp phần tích cực, hiệu quả vào xây dựng Quảng Ninh thành khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng – an ninh, phòng tuyến hợp tác và cạnh tranh kinh tế quốc tế; du lịch biển đảo là một phần không gian du lịch quan trọng thể hiện sự tích hợp phong phú, đa dạng về các nguồn tài nguyên và không gian du lịch, tạo nên nhiều sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, có chất lượng cao, thương hiệu mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh.

Những năm qua, mặc dù Quảng Ninh đã tạo lập được 04 vùng du lịch, ba tuyến kết nối thị trường du lịch trong nước, bốn tuyến kết nối thị trường quốc tế, trong đó, ba vùng du lịch trực tiếp gắn với không gian biển và một vùng có liên kết chặt chẽ với không gian biển. Song, vẫn còn hạn chế trong liên kết du lịch, điều này đã được đề cập trong Quyết định số 2256/2023/QĐ-UBND ngày 8/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể, Quảng Ninh mới chỉ có hành lang kết nối du lịch theo hướng Đông Tây dựa trên cao tốc Hạ Long – Vân Đồn – Móng Cái, quốc lộ 18 và theo các hành lang theo hướng mở từ cao tốc đến các địa phương trong tỉnh, mà chưa có kết nối không gian du lịch biển đảo và chưa phát huy được sự kế thừa, thúc đẩy giá trị các liên kết chuỗi kinh tế cụm liên ngành, liên lãnh thổ trong kinh tế biển như du lịch và dịch vụ cảng biển – kinh tế hàng hải; du lịch với nuôi trồng và khai thác hải sản; du lịch với phát triển công nghiệp ven biển, với phát triển kết cấu hạ tầng xã hội ven biển,...; điều này đòi hỏi “tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; phát

huy vai trò và khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hệ thống đô thị để tạo đột phá phát triển vùng” (Nghị quyết số 30/2022-NQ/TW) đảm bảo mục tiêu “Quảng Ninh hướng tới thành trung tâm du lịch quốc tế và kinh tế” (Chu Khôi, 2024) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp tổng thuật – phân tích tài liệu, xử lý thông tin theo chủ đề liên kết du lịch biển đảo trong tiến trình phát triển lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phương pháp đối chứng, so sánh các kết quả đạt được trong tổ chức liên kết phát triển du lịch biển đảo Quảng Ninh với lý thuyết liên kết và cơ sở pháp lý giai đoạn 2020 – 2030 trong lĩnh vực du lịch.

Phương pháp phân tích không gian từ các nguồn tư liệu trong hệ thống lưu trữ cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp Viện Hàn lâm KH&CN và Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; từ các nguồn mở Google, Wikipedia,... được tích hợp vào phân tích liên kết du lịch biển đảo Quảng Ninh.

Phương pháp chuyên gia được thực hiện theo phương thức trao đổi học thuật – kinh nghiệm nghiên cứu, quản lý thực tế địa bàn với các chuyên gia, các nhà quản lý chuyên ngành, liên ngành về hiện trạng, định hướng liên kết du lịch nói chung và du lịch biển đảo nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Đây là cơ sở để nhóm nghiên cứu xác định trọng tâm các vấn đề liên quan (thành tựu, tồn tại và phương hướng giải quyết).

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN THEO CÁC NỘI DUNG TƯƠNG ỨNG

### 3.1. Khái niệm liên kết du lịch

Theo lý thuyết chung, liên kết là một phương thức phát triển trong các lĩnh vực kinh tế – xã hội trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, tạo lợi thế cạnh tranh, động lực phát triển kinh tế thông qua việc kết nối về hoạt động, về không gian kinh tế – tự nhiên – xã hội nhằm mục tiêu phân bổ lợi ích và rủi ro

giữa những đối tượng và các tác nhân tham gia để cùng nhau phát triển; do đó, liên kết du lịch đáp ứng cho phát triển du lịch bền vững theo nghĩa là loại hình du lịch đưa đến việc giảm thiểu các chi phí và nâng cao tối đa các lợi ích của du lịch cho môi trường tự nhiên, cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà nó phụ thuộc (Phạm Trung Lương và cs., 2000).

Liên kết thường được phân biệt thành liên kết dọc, liên kết ngang và liên kết cụm – liên kết tích hợp. Liên kết dọc là liên kết giữa các tác nhân theo đường đi của sản phẩm. Liên kết ngang là liên kết các tác nhân, các đối tượng cùng tham gia vào các hoạt động tương tự nhau. Liên kết cụm – liên kết tích hợp thường đề biểu thị sự liên kết của các đối tượng trong một không gian phát triển.

Liên kết du lịch đem lại những lợi ích (Trường Đại học Hạ Long, 2022), đó là: phát huy các lợi thế so sánh cho một hay một nhóm hoạt động du lịch trong không gian du lịch, nhằm phát huy tối đa các giá trị về lợi thế so sánh từ tiềm năng tích hợp từ mỗi địa phương, nếu để phát triển đơn lẻ sẽ không phát huy được đầy đủ lợi thế riêng của mỗi lãnh thổ; mang lại tính phong phú, đa dạng của sản phẩm từ sự kết hợp đồng bộ các lĩnh vực, các không gian phát triển du lịch, sẽ tạo nên giá trị cốt lõi mang tính quản trị của lĩnh vực du lịch mà mỗi địa phương nếu tự tổ chức sẽ chỉ mang tính nhỏ lẻ, cục bộ và thiếu hiệu quả; ở tầm vĩ mô, liên kết du lịch mang lại quy mô phát triển cao hơn, to lớn hơn, đem lại sức hút đầu tư và hiệu quả kinh tế lớn hơn, sức cạnh tranh cao hơn và bền vững hơn, dựa trên sự tích hợp trong một hệ thống quản trị du lịch chung như các hoạt động du lịch biển trong không gian liên kết lãnh thổ vùng ven bờ – vùng biển – các hải đảo.

Các kiểu liên kết có thể được thể hiện giữa các chủ thể vĩ mô bao gồm liên kết dọc và liên kết ngang tạo nên sự kết nối các hoạt động – các sản phẩm du lịch và được quản lý – quản trị theo mỗi liên kết liên ngành kinh tế, có liên quan đến hoạt động du lịch tại mỗi địa phương, mỗi khu vực lãnh thổ; hay liên kết

giữa các chủ thể vi mô, đó là liên kết của các hoạt động du lịch khác nhau cho cùng mục tiêu phát triển du lịch bền vững ở quy mô nhỏ hơn; cũng có thể là liên kết cụm mang tính tích hợp lãnh thổ đối với một nhóm hoạt động du lịch đặc thù với các lĩnh vực khác ngoài du lịch, nhưng có liên quan và có tác động hỗ trợ cho phát triển du lịch trên cùng một địa phương, nhằm phát huy thế mạnh tích hợp lãnh thổ đem đến sự gia tăng giá trị từ các hoạt động du lịch, tạo nên lợi thế cạnh tranh phát triển trong một mạng lưới hay một chuỗi liên kết giá trị.

Liên kết tích hợp giữa du lịch với các ngành, lĩnh vực khác như tổ chức lãnh thổ du lịch với tổ chức kết cấu hạ tầng giao thông; với tổ chức phân bố năng lượng; với tổ chức hoạt động cấp nước; hay với tổ chức của ngành tài nguyên và môi trường, ngành nông nghiệp; với lĩnh vực thông tin và truyền thông;... trong đó, du lịch được xác định là trọng tâm liên kết phát triển; liên kết tích hợp sẽ tạo ưu thế trong việc đầu tư nguồn lực, hạn chế rào cản, rủi ro, mâu thuẫn – xung đột giữa phát triển du lịch với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác trên cùng một lãnh thổ; góp phần đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ du lịch;... đặc biệt là trong mô hình giảm thiểu chất thải – tái sử dụng – tái chế chất thải (3R: Reduce – Reuse – Recycle) đối với các hoạt động phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch, 2023). Cùng với đó, sức mạnh bền vững của phát triển du lịch biểu hiện qua tính liên kết, tính chống chịu, tính thích ứng với sự tác động qua lại giữa du lịch và các ngành, lĩnh vực kinh tế khác như công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, ngoại giao,... cũng như thích ứng với biến đổi khí hậu, với các loại hình thiên tai, sự cố môi trường,... vì đó là những ngành tạo nên nguồn lực, điều kiện chung, có ảnh hưởng tới việc cung cấp các sản phẩm du lịch.

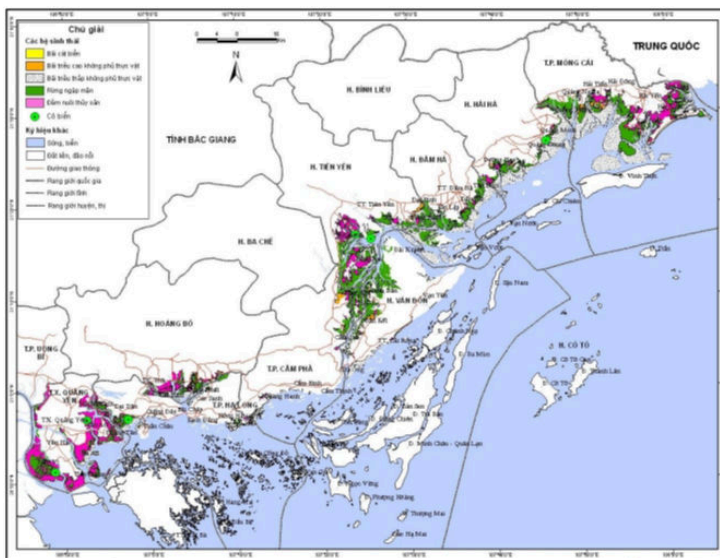
Du lịch biển đảo là một loại hình du lịch được phát triển dựa trên tiềm năng và được diễn ra trong các không gian có tiềm năng về biển đảo (Phạm Trung Lương và cs., 2000), hướng tới thỏa mãn về nhu cầu tiếp cận của mọi người với sự đa dạng của nhiều loại hình du lịch biển đảo như vui chơi, giải trí, tắm biển, thể thao, thưởng ngoạn phong cảnh,

nghiên cứu các giá trị về các hệ sinh thái biển đảo,... (Phạm Trung Lương và cs., 2002). Trong giai đoạn vừa qua, cùng với việc khai thác giá trị vật chất của tài nguyên du lịch biển đảo, các giá trị phi vật chất đã được thúc đẩy làm gia tăng giá trị như việc đầu tư nhiều trung tâm du lịch biển với nhiều loại hình cơ sở lưu trú, nhiều cơ sở hạ tầng du lịch và phát triển nhiều loại hình hoạt động du lịch biển đảo,... đã thu hút vốn đầu tư tài chính, vốn tri thức, tiềm năng trí tuệ của tất cả các nhà đầu tư trong, ngoài nước,... (Bộ VH, TT &DL, 2013). Chính vì vậy, mục tiêu quốc gia đến năm 2030 là phát triển khoảng 7 cụm liên kết ngành và 3 – 4 trung tâm kinh tế biển mạnh hàng đầu Đông Nam Á, đặc biệt chú trọng phát triển mạnh kinh tế du lịch với các trung tâm, các khu tổ hợp du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng biển, đảo có chất lượng cao, mang tầm quốc tế ở những cụm liên ngành kinh tế biển mang tính lưỡng dụng, kết hợp kinh tế với quốc phòng tại những khu vực vùng biển có điều kiện phù hợp, có vai trò, vị thế trọng điểm về quốc phòng an ninh biển đảo (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

### 3.2. Tiềm năng phát triển các chuỗi giá trị liên kết du lịch biển đảo tỉnh Quảng Ninh

Biển đảo Quảng Ninh có tiềm năng du lịch dồi dào, được đánh giá là phong phú và đa dạng. Trong đó, về tiềm năng tài nguyên

du lịch tự nhiên, Quảng Ninh sở hữu một dải bờ biển dài trên 250 km, với 2.077 hòn đảo, chiếm 2/3 số đảo của cả nước, được thiên nhiên ưu ái ban tặng nhiều bãi biển, vũng, vịnh, đảo đẹp nổi tiếng trong nước và quốc tế, cùng những giá trị đa dạng, với các giá trị ngoại hạng về cảnh quan và địa chất, địa mạo, là trung tâm của khu vực có nhiều yếu tố đồng dạng bao gồm vịnh Bái Tử Long, vịnh Hạ Long trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, kết nối với vịnh Lan Hạ và vịnh Cát Bà của Hải Phòng trong tổ hợp không gian di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long mở rộng, làm thành điểm hội tụ những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế du lịch, với loại hình du lịch biển đảo đa dạng, đặc sắc trong bối cảnh tập trung cao về mật độ sinh thái của vùng biển nhiệt đới, thể hiện qua sự đa dạng các hệ sinh thái (HST) rừng ngập mặn, HST rạn san hô, HST cỏ biển, HST rừng cây nhiệt đới trên các đảo và đặc biệt là HST tùng áng rất đặc thù chỉ thấy ở vùng biển Quảng Ninh; cộng với một nguồn lợi tài nguyên biển mà theo thống kê của các nhà khoa học, tại Vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long và vịnh Lan Hạ – Cát Bà đã có hơn 570 loài động vật đáy, hơn 400 loài sinh vật phù du, khoảng 180 loài san hô, trên 150 loài cá, gần 150 loài rong, cỏ biển và 19 loài thực vật ngập mặn, làm thành đối tượng nghiên cứu, khám phá, tham quan văn cảnh cho du lịch sinh thái biển Quảng Ninh (Trường Đại học Hạ Long, 2022).



Hình 1. Bản đồ phân bố các hệ sinh thái vùng ven biển tỉnh Quảng Ninh (Nguyễn Văn Thảo, 2015)

Tiềm năng tài nguyên du lịch văn hóa đa dạng và đặc sắc với hệ thống di chỉ khảo cổ được hình thành và phát triển trong môi trường biển, được thể hiện qua văn hóa Hạ Long (4.500 – 3.500 năm), văn hóa Soi Nhụ (18.000 – 7.000 năm), văn hóa Cái Bèo (7.000 – 5.000 năm); cùng với hệ thống di tích như: các di tích Thoi Giếng, Thôn Nam, gò Mã Tô ở Móng Cái; di tích Hòn Ngò ở Tiên Yên; các di tích Ba Vũng, Vạn Yên, Đông Trong, Soi Nhụ,... ở Vân Đồn; hang Bái Tử Long ở Cẩm Phả; Đống Dài, Xích Thổ ở Hoành Bồ; các di tích Tuần Châu, Vườn Hoa, Cọc Tám, Thành Đội, Hòn Hai – Cô Tiên,... ở Hạ Long;... chứng minh cho thời điểm cách đây 5.000 – 4.000 năm hoạt động biển tiến mang đến cho con người thời tiền sử một vùng biển ấm, nguồn thức ăn dồi dào đã tạo thuận lợi để con người cổ đại thoát khỏi hang đá ra ngoài trời sinh sống, tìm nguồn lực mưu sinh ở các cửa sông, làm thành đối tượng của du lịch lịch sử.

Bên cạnh đó, sự cô đặc của những di tích – chứng tích lịch sử hào hùng giữ đất, bảo vệ biên cương, địa giới trên biển thông qua di tích bãi cọc Bạch Đằng với ba lần chống giặc ngoại xâm: chống quân Nam Hán năm 938, quân Tống năm 981, quân Mông Nguyên năm 1288; hay chiến tích lịch sử trên sông Mang năm 1288 ở đảo Quan Lạn,... (Tổng cục Du lịch, 2023); cùng với mật độ đậm đặc các di sản, di tích văn hóa như 12 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái; Hát nhà tơ; Lễ hội đền Cửa Ông; Lễ hội Tiên công; Lễ hội đình Trà Cổ; Lễ hội đình Quan Lạn; Lễ hội Bạch Đằng; Nghệ thuật trình diễn dân gian hát Soọng cọ của người Sán Chỉ; Nghệ thuật trình diễn dân gian hát Soọng cô của người Sán Diu; Lễ hội đình Đàm Hà; Lễ hội đình Vạn Ninh và Lễ hội Xuống đồng) và 08 di tích quốc gia đặc biệt (Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long, Di tích Lịch sử Bạch Đằng, Khu di tích Lịch sử Yên Tử, Khu di tích Lịch sử Nhà Trần, Di tích Lịch sử Đền Cửa Ông, Khu Di tích Hồ Chủ Tịch ở đảo Cô Tô, Quần thể Thương cảng Vân Đồn, Di tích kiến trúc – nghệ thuật đình Trà Cổ) đang hiện diện tại các khu vực ven biển và trên biển đảo Quảng Ninh, cộng với 45 di tích cấp tỉnh (Thủ tướng chính phủ, 2013b), cho thấy một truyền thống văn hóa biển đậm nét ở tỉnh Quảng Ninh,

làm thành nền tảng cho du lịch văn hóa, du lịch chứng tích chiến tranh, du lịch truyền thống,...

Từ tiến trình lịch sử phát triển xã hội ở các vùng giáp biển và trên các vùng biển đảo đã tích tụ thành kho tri thức địa phương phong phú thể hiện qua những lễ hội về đời sống gắn với biển; lễ hội biểu thị lòng tri ân với các anh hùng của địa phương, của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử; lễ hội biểu thị các giá trị tri thức bản địa của người dân biển thích ứng với điều kiện thiên nhiên nhằm khai thác nguồn lợi từ biển khơi. Đây chính là nguồn lực cho phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch làng quê,...

Sự đa dạng và phong phú về nguồn lực tự nhiên và văn hóa đã tạo ra các chuỗi liên kết dọc kết nối các dòng sản phẩm du lịch đặc thù như tuyến du lịch tâm linh, tuyến du lịch lịch sử – văn hóa, tuyến du lịch sinh thái,...; đồng thời sự liên kết các hoạt động du lịch với các cơ sở dịch vụ – lưu trú, các phương tiện vận chuyển,... thúc đẩy các mối liên kết ngang; các mối liên kết đó đã tạo nên những giá trị gia tăng của các chuỗi sản phẩm như chuỗi sản phẩm du lịch núi, chuỗi sản phẩm du lịch biển đảo, hay các chuỗi sản phẩm kết hợp tham quan – văn cảnh – tắm biển – nghỉ dưỡng trong một không gian biển đảo vịnh Hạ Long, trong quần thể quần đảo Vân Hải – vịnh Bái Tử Long,... Các liên kết dọc, ngang kết hợp trong những không gian du lịch tạo nên các cụm liên kết như cụm du lịch biển vịnh Hạ Long, cụm du lịch biển Vân Đồn hay cụm du lịch Cô Tô,... hoặc kết nối không gian lớn hơn là cụm du lịch biển đảo Vân Đồn – Cô Tô,...

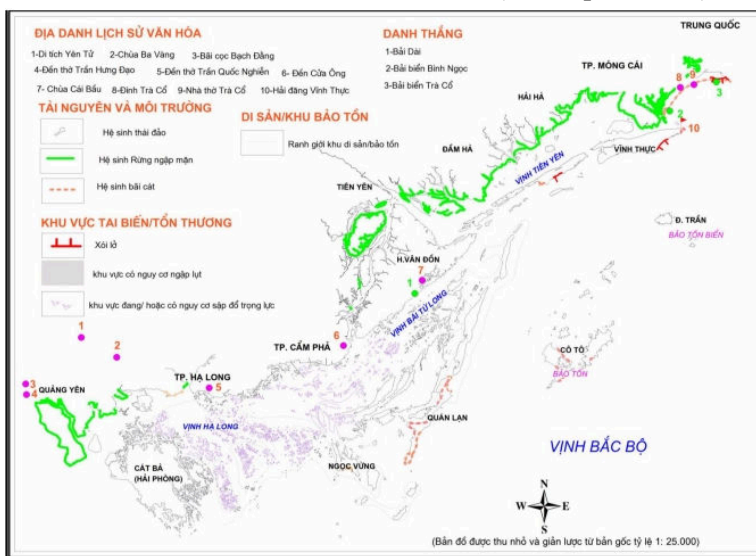
Tổ chức và phát triển các liên kết du lịch cũng là nhiệm vụ “phát huy tiềm năng tài nguyên du lịch biển đảo Quảng Ninh trong phát triển kinh tế biển, trở thành một trung tâm kinh tế biển bền vững của Việt Nam trên cơ sở phát triển du lịch – dịch vụ kết nối khu vực và quốc tế với các âu tàu du lịch đẳng cấp quốc tế gắn với phát triển kinh tế chuỗi khu kinh tế, khu đô thị biển – ven biển cận kề...” (Thủ tướng Chính phủ, 2023) theo ba không gian: Không gian du lịch Trung tâm, trọng tâm là Hạ Long – Bái Tử Long – Vân Đồn với sản phẩm du lịch chủ đạo gắn với tài nguyên biển, đảo; Không gian du lịch Đông Bắc, trọng tâm là

Móng Cái – Trà Cổ với du lịch sinh thái núi – biển, đảo, du lịch biên giới và văn hóa các dân tộc thiểu số; Không gian du lịch Tây Nam với trọng tâm là thành phố Uông Bí – Yên Tử – Đông Triều – Quảng Yên, khai thác sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh và sinh thái nông nghiệp, nông thôn. Trục kết nối ba không gian phát triển là hành lang Đông – Tây theo đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn – Móng Cái, quốc lộ 18 và các hành lang theo hướng mở từ cao tốc hướng tới các địa phương trong tỉnh (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2023).

Vai trò du lịch biển đảo Quảng Ninh đối với Tiểu vùng duyên hải ven biển Hải Phòng và Quảng Ninh (kể cả khu vực biển, ven biển và hải đảo) được xác định là trọng tâm của chuỗi liên kết các khu du lịch mang tầm cỡ vùng và quốc gia gắn với du lịch sinh thái (DLST) các vườn quốc gia Cát Bà (Hải Phòng), Bái Tử Long, Hạ Long, Vân Đồn, Trà Cổ (Quảng Ninh), kết nối với khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái và khu kinh tế Vân Đồn trở thành trung tâm liên kết vùng và đầu mối quan trọng trên tuyến hành lang ven biển thông thương với Trung Quốc làm thành lãnh thổ phát triển đặc biệt (Thủ tướng chính phủ, 2014); trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á... thông qua chuỗi giá trị liên kết các loại hình du lịch văn hóa gắn với nền văn minh sông Hồng; du lịch lễ hội, tâm linh; du lịch biển đảo, cũng như du lịch kết hợp các loại hình du lịch đặc thù như du lịch

sinh thái nông nghiệp, nông thôn và vui chơi giải trí cao cấp; phát triển dịch vụ y tế – chăm sóc sức khỏe trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Bộ Chính trị, 2022); hình thành các khu du lịch quốc tế hóa cao ở Quảng Ninh (Vân Đồn, vịnh Hạ Long) phát triển thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với các trung tâm du lịch quốc tế lớn, được xác định là trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á, trọng tâm là đưa vùng du lịch Cát Bà – vịnh Hạ Long – Bái Tử Long – Vân Đồn thành trung tâm nghỉ dưỡng, giải trí, du lịch di sản thiên nhiên biển đảo có tầm quốc tế cao ở châu Á – Thái Bình Dương (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Trong môi liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng, du lịch Quảng Ninh phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm du lịch, cả du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch biển nhằm gia tăng các giá trị văn minh sông Hồng (Thủ tướng chính phủ, 2013b) theo hướng xây dựng, phát triển, đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hoá, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền, kết nối với các tuyến du lịch quốc tế...” (Ban Chấp hành Trung ương, 2018); đồng thời “thí điểm phát triển các tuyến du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ kết hợp với dịch vụ biển khác” (Chính phủ, 2018).



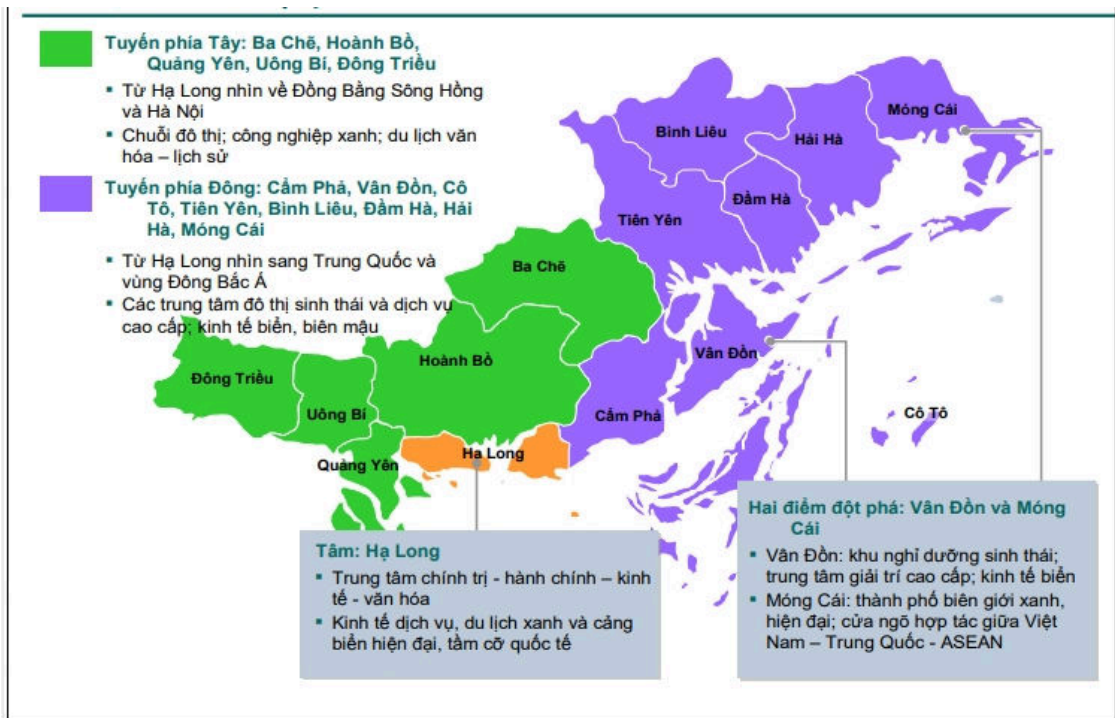
Hình 2. Hiện trạng tài nguyên vùng bờ tỉnh Quảng Ninh (Sở TN&MT Quảng Ninh, 2019)

### 3.3. Thúc đẩy các chuỗi giá trị liên kết du lịch biển – đảo tỉnh Quảng Ninh phục vụ phát triển kinh tế biển đến năm 2030

Quảng Ninh là địa phương đi đầu về phát triển du lịch nói chung và du lịch biển đảo nói riêng, du lịch đã được xác định là “động lực tăng trưởng chính trong nền kinh tế hiện tại và là một trong những cột trụ của nền kinh tế trong tương lai” theo chiến lược “một tâm, hai tuyến đa chiều, hai điểm đột phá” (Thủ tướng chính phủ, 2013a) và “ba vùng động lực” (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Kết quả thực hiện chiến lược phát triển đưa đến tăng trưởng bình quân lượng du khách giai đoạn 2015 – 2019 đạt được 16%/năm với thời gian lưu trú trung bình là 2,15 ngày, mức chi tiêu bình quân đạt 980 nghìn đồng/ngày; đã phát huy thành công cụm du lịch chủ đạo vịnh Hạ Long, thúc đẩy 04 cụm khác là Uông Bí – Đông Triều, Móng Cái, Vân Đồn – Cô Tô và

Bình Liêu (Thủ tướng Chính phủ, 2023), góp phần chuyển đổi nền kinh tế từ nâu sang xanh và trở thành trung tâm đổi mới của vùng Đồng bằng Bắc bộ, khu vực tăng trưởng toàn diện ở phía Bắc.

Về chiến lược thị trường, đối với thị trường trong nước, đã liên kết, hợp tác phát triển thị trường giữa Quảng Ninh với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, với vùng duyên hải miền Trung, với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và với các vùng du lịch khác trong phạm vi vùng trung du, miền núi phía Bắc; đồng thời tăng cường liên kết, hợp tác phát triển sản phẩm du lịch giữa Quảng Ninh với Hải Phòng, Lạng Sơn và các tỉnh trong vùng Đông Bắc để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng các chương trình kết nối các tuyến du lịch và phát triển sản phẩm du lịch biên giới.



(Nguồn: Báo cáo quy hoạch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)

#### Hình 3. Định hướng phát triển lãnh thổ tỉnh Quảng Ninh

Trong phạm vi Tiểu vùng duyên hải ven biển đã tạo lập kết nối du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng, sinh thái với tuyến du lịch Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; kết nối các tuyến, điểm du lịch văn hóa, tâm linh theo tuyến du

lich Quảng Ninh – Ninh Bình – Nam Định; kết nối các tuyến, điểm du lịch biên giới, thương mại cửa khẩu và du lịch tổng hợp liên kết 4 địa bàn trọng điểm trong tỉnh Quảng Ninh.

Đối với thị trường quốc tế, đã thông tuyến kết nối du lịch Quảng Ninh – Trung Quốc qua 3 cửa khẩu quốc tế Lào Cai, Hữu Nghị và Móng Cái với 3 tuyến du lịch biển đảo, nghỉ dưỡng, sinh thái trên cơ sở 3 cửa khẩu quốc tế là Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và Móng Cái (Quảng Ninh) – Hải Phòng – Hà Nội. Kết nối Quảng Ninh với thị trường khách du lịch Đông – Bắc Á để khai thác các thị trường truyền thống Nhật Bản và Hàn Quốc làm thành hướng ưu tiên đối với du lịch Quảng Ninh: Kết nối tuyến Quảng Ninh, Việt Nam – Jeju – Gangwon, Hàn Quốc, tuyến Quảng Ninh; Việt Nam – Tottori – Hokkaido Nhật Bản. Kết nối Quảng Ninh với thị trường Đông Nam Á, đặc biệt là Singapore, Malaysia, Thái Lan và Indonesia; với Lào và Campuchia: Tạo hành trình kết nối di sản xuyên quốc gia giữa di sản Hạ Long với các di sản thế giới trong khu vực Đông Dương (Angkor Wat và Luangprabang). Liên kết du lịch Quảng Ninh với thị trường quốc tế để thu hút du khách từ 04 thị trường trọng điểm: thị trường khách du lịch Trung Quốc; thị trường khách du lịch Đông Bắc Á; thị trường khách du lịch Đông Nam Á; thị trường hỗn hợp khách du lịch Nga, châu Âu, Bắc Mỹ, Ấn Độ và Trung Đông trong mỗi liên hệ quốc gia và quốc tế (UBND tỉnh Quảng Ninh, 2023).

Về chiến lược sản phẩm, đã xác định rõ được hình ảnh, giá trị và sản phẩm đặc thù, nổi bật của du lịch Quảng Ninh làm cơ sở cho việc định vị thương hiệu du lịch biển đảo Quảng Ninh với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp tại Vân Đồn, Cô Tô và các đảo ven bờ; các sản phẩm du lịch sinh thái ven biển, gắn với các khu vực rừng ngập mặn; sản phẩm du lịch “Con đường du lịch bốn mùa – Quảng Ninh”; chương trình “Mỗi huyện/thành phố một sản phẩm du lịch đặc thù”, phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với Chương trình OCOP và nông thôn mới, đặc biệt phát triển các sản phẩm du lịch biên giới; sản phẩm du lịch đêm; nghiên cứu xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch sáng tạo khác. Đó là cơ sở để xây dựng các chuỗi liên kết giá trị sản phẩm du lịch Quảng Ninh nói chung và du lịch biển đảo nói riêng.

Những tồn tại được nhận diện:

Trong quá trình phát triển du lịch, việc phát huy thế mạnh liên kết cụm còn thụ động như: cụm kết hợp du lịch và dịch vụ cảng biển; cụm kết hợp hoạt động du lịch với hoạt động nuôi trồng thủy sản; việc kết hợp hoạt động du lịch với phát triển hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông chưa được quản trị đồng bộ,...; vấn đề kết nối hoạt động du lịch và bảo tồn chưa phát huy được tính đa dạng theo định hướng phát triển du lịch biển bền vững trong các khu di sản và bảo tồn, hay kết hợp nuôi trồng thủy sản với phát triển du lịch biển, liên kết phát triển nghề cá giải trí và aquarium (thủy cung) ở những khu biển thích hợp, hoặc đưa các sản phẩm dược liệu biển và thực phẩm dinh dưỡng từ sản phẩm biển vào hệ thống sản phẩm du lịch;... Đây là hạn chế của việc quản lý tổng hợp ngành du lịch và vai trò ngành quản trị biển, đại dương, do đó, đẩy mạnh các giá trị gia tăng du lịch theo chiều sâu và theo yêu cầu quản trị biển, kinh tế biển được đề xuất trong Nghị quyết số 36/NQ-TW và Nghị quyết số 30/NQ-TW.

Việc phát triển sức mạnh cụm liên ngành còn tương đối hạn chế, chưa phát huy vai trò của các ngành phụ trợ trong liên kết du lịch, ví dụ như: phát triển các sản phẩm chế biến phục vụ nhu cầu du lịch từ nguyên liệu nông, thủy sản trong liên kết với ngành hóa thực phẩm, với ngành sản xuất bao bì, đóng gói,... nhằm tạo các tổ hợp chế biến ẩm thực đặc trưng biển, đảo Quảng Ninh, vừa giảm tiêu thụ nguyên liệu trực tiếp từ nguồn tài nguyên biển, vừa tạo giá trị gia tăng sản phẩm, tạo thêm việc làm mới và tăng thu nhập cho dân cư ven biển, đồng thời cũng là biện pháp rất hữu hiệu giảm nhẹ tác động thiên tai trong vai trò hàng hóa đóng gói dự trữ, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước,... cho các hoạt động du lịch biển đảo. Đây là hạn chế trong quản lý tổng hợp không gian đới bờ kết hợp với quản lý không gian biển trong phạm vi biển đảo tỉnh Quảng Ninh.

Kết nối không gian xây dựng với không gian hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch chưa chú trọng đúng mức trong việc hình thành các trung tâm dịch vụ tại các không gian ngầm đò

thị ven biển hay trên các đô thị hải đảo; cũng như phát triển các tiện ích du lịch theo chiều cao đảo, theo chiều sâu nước biển gắn với du lịch sinh thái,...; cũng cần có định hướng khai thác đa mục đích các không gian vũng, vịnh biển,... trên đó vừa kết hợp khai thác du lịch với nuôi trồng thủy, hải sản, vừa khai thác năng lượng tái tạo từ gió, bức xạ mặt trời, thủy triều, dòng chảy biển,... có trong tài nguyên vị thế của vũng vịnh để phục vụ chung cho hoạt động du lịch, dịch vụ và cho hoạt động nuôi trồng thủy sản. Đây là hạn chế về chiến lược xây dựng và khai thác lợi thế không gian trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và các địa phương ven biển của tỉnh Quảng Ninh.

Chưa tạo động lực cho việc kết hợp nguồn lao động hoạt động nông, thủy sản với hoạt động du lịch và dịch vụ du lịch (du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch có trách nhiệm,...) như một phần của nền kinh tế chia sẻ nhằm phát huy đồng bộ các giá trị vật chất (giá trị tài nguyên, giá trị sản phẩm,...) và phi vật chất (giá trị văn hóa, giá trị tâm lý, tinh thần,...) từ các sản phẩm đặc thù địa phương (các sản phẩm OCOP, các sản phẩm từ nghề thủ công,...) làm thành giá trị gia tăng cho nguồn lao động tích hợp phục vụ du lịch và dịch vụ du lịch. Đây là hạn chế trong chiến lược nguồn nhân lực cần được điều chỉnh với trọng tâm khai thác và gia tăng hiệu suất lao động như một lĩnh vực của nền kinh tế chia sẻ.

Đã đến lúc áp dụng nguyên lý quản trị vào các liên kết đa ngành trong hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch với các lĩnh vực phụ trợ như tổ chức chế biến sản phẩm chuyên sâu (tổ hợp chế biến các sản phẩm chuyên về mực, chuyên về cá, hay chuyên về nhuyễn thể,...) vừa tăng mức độ tập trung nguyên liệu, tăng giá trị các sản phẩm chế biến phục vụ nhu cầu du lịch, giảm nhẹ các nhu cầu về sử dụng nguyên liệu, sử dụng năng lượng, sử dụng nước,... giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho phát huy vai trò của kinh tế tuần hoàn trong liên kết du lịch.

Phát huy tư duy phát triển du lịch theo hướng liên kết mở theo thời gian và theo không gian như một phần tích lũy vốn tri thức

kết hợp truyền thống và hiện đại của hoạt động du lịch biển đảo Quảng Ninh, đáp ứng nhu cầu phát triển cả chiều sâu và chiều rộng cho mục tiêu đưa du lịch thành “động lực tăng trưởng chính trong nền kinh tế hiện tại của Quảng Ninh và là một trong những cột trụ của nền kinh tế trong tương lai”.

### 3.4. Một số ý kiến về các vấn đề đặt ra

Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu về phát triển du lịch biển đảo, là một điểm sáng trong bức tranh về du lịch biển đảo của Việt Nam, tuy vậy, có thể đặt ra những vấn đề:

Tập trung khai thác các giá trị liên kết tuyến du lịch trên biển trên cơ sở quần thể di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long – Cát Bà mở rộng, phát huy giá trị gia tăng từ một tuyến tham quan văn cảnh biển dọc theo tuyến hành lang du lịch sinh thái biển đảo Cát Bà – vịnh Hạ Long – vịnh Bái Tử Long thành tuyến kết nối hành lang đa dạng sinh học và hành lang đa dạng văn hóa biển đảo, đồng thời mở rộng liên kết với tuyến du lịch sinh thái ven biển (tích hợp với hành lang đa dạng sinh học và đa dạng văn hóa ven biển); xây dựng hướng kết nối mới xuyên chuỗi du lịch đảo theo các chuỗi đảo, chuỗi du lịch thủy sản trên biển theo hệ thống bè nuôi biển,... Đây là vấn đề đặt ra trong quy hoạch phát triển du lịch và phát huy vai trò, thúc đẩy năng lực sáng tạo của các doanh nghiệp hoạt động du lịch.

Tăng cường khai thác theo chiều sâu các liên kết ngang như cách khai thác sản phẩm du lịch đảo thuộc quần thể khu dự trữ sinh quyển đảo Cát Bà, quần thể cụm đảo du lịch trên vịnh Hạ Long và đặc biệt quần thể cụm quần đảo Vân Hải (huyện đảo Vân Đồn) trên vịnh Bái Tử Long. Đây là những nơi quy tụ đậm đặc nguồn tài nguyên du lịch để tích hợp vào các loại hình du lịch văn hóa – chứng tích lịch sử – du lịch sinh thái – du lịch cộng đồng – du lịch làng quê,... là vấn đề đặt ra trong bổ sung quy hoạch du lịch đến năm 2030.

Thúc đẩy việc khai thác sâu giá trị các cụm du lịch tại các địa bàn trọng điểm như cụm Móng Cái – Tiên Yên với trọng tâm là hành lang đa dạng sinh học đất ngập nước (hệ

thông rừng ngập mặn ven biển), cùng hệ thống các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ngân, sá sùng,...) và khai thác nguồn lợi thủy sản nuôi trồng cho du lịch ẩm thực, được kết hợp với định hướng đô thị công nghiệp – dịch vụ Móng Cái – Hải Hà – Tiên Yên, trong cụm du lịch Móng Cái với trung tâm là khu du lịch cửa khẩu Móng Cái.

Nên có định hướng xem xét khai thác vai trò, vị thế nhiều mặt của các chuỗi đảo đặc thù có ở địa bàn biển đảo Quảng Ninh, đó là: chuỗi từ đảo Vĩnh Thực xuống các đảo Cái Chiên, Vạn Mặc, Vạn Mực đến đảo Thoi. Đây làm thành bức tường chắn cho vùng biển Móng Cái – Tiên Yên; chuỗi từ đảo Sậu Nam xuống đảo Ba Mùn đến đảo Quan Lạn bao thành tuyến ngoài huyện đảo Vân Đồn; chuỗi đảo từ Vạn Yên sang Trà Bản xuống Vạn Cảnh qua Thắng Lợi đến Ngọc Vũng sang Phượng Hoàng làm thành rìa ngoài của thặng cảnh Vườn di sản của ASEAN Bái Tử Long. Các chuỗi đảo sẽ đem lại sức cuốn hút nhiều mặt, nếu được kết nối bằng hệ thống cầu nối bê tông trên biển, kết nối các đảo sẽ tạo nên sắc thái kết hợp thiên nhiên – lịch sử – văn hóa – con người ở mỗi chuỗi đảo. Đây là vấn đề cần được nhận diện và được nghiên cứu có cơ sở khoa học, dựa trên tiềm lực khoa học – công nghệ và nguồn đầu tư cho phát triển trong tương lai.

Ngành du lịch có thể nghiên cứu, đề xuất và tổ chức tuyến hành trình du lịch văn hóa – lễ hội kết nối 03 di chỉ văn hóa Hạ Long, Soi Nhụ và Cái Bèo (7.000 – 5.000 năm) với các di chỉ khảo cổ, cộng với 12 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cùng với 08 di tích quốc gia đặc biệt, kết hợp với 45 di tích cấp tỉnh nổi trội khác trong định hướng quy hoạch du lịch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sự hình thành các chuỗi liên kết du lịch biển – đảo có thể tạo nên những giá trị gia tăng du lịch trên các phương diện: thứ nhất, gia tăng sức hút du lịch biển đảo Quảng Ninh; thứ hai, gia tăng thời gian lưu trú du lịch đối với du khách; thứ ba, gia tăng sức mua các loại sản phẩm du lịch theo các chuỗi du lịch kết nối; thứ tư, thúc đẩy các lĩnh vực, các hoạt động dịch vụ phụ trợ du lịch, tạo nên những

ngành nghề mới và cơ hội mới cho sinh kế và thu nhập của dân cư; thứ năm, thúc đẩy hoạt động quản trị du lịch biển đảo theo hướng tích hợp bền vững; thứ sáu, gia tăng mức độ đảm bảo chủ quyền quốc gia trên biển vì ở đâu có hoạt động hoạt động du lịch, ở đó có sự đảm bảo về chủ quyền quốc gia.

#### 4. KẾT LUẬN

Tiềm năng đa dạng và phong phú về các nguồn tài nguyên du lịch đã khẳng định vị thế du lịch biển đảo Quảng Ninh trong vùng biển phía Bắc vịnh Bắc Bộ, làm thành “mũi nhọn kinh tế biển” thời kỳ đến năm 2030, là nguồn lực cho việc hình thành các chuỗi liên kết thúc đẩy giá trị gia tăng du lịch trong kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh và khu vực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng kỳ vọng về một “trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế”.

Kết quả phân tích bước đầu các chuỗi liên kết du lịch sẽ làm thành những nội dung nghiên cứu chi tiết cho nhiệm vụ “Xây dựng mô hình liên kết phát triển bền vững kinh tế vùng bờ và biển đảo bắc vịnh Bắc Bộ: *Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Quảng Ninh*” theo phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia số 1037/UBND-VHXX ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### LỜI CẢM ƠN

Bài viết được tổng hợp từ nguồn tài liệu xây dựng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia “Xây dựng mô hình liên kết phát triển bền vững kinh tế vùng bờ và biển đảo bắc vịnh Bắc Bộ: *Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Quảng Ninh*” theo phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia số 1037/UBND-VHXX ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Chính trị. (2022). *Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày*

- 23/11/2022 về phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2013). *Quyết định số 2782/2013/QĐ-BVHTTDL ngày 15/8/2013 của Bộ VH, TT & DL phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020”*.
- Chính phủ. (2018). *Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ ban hành kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Chu Khôi. (2024). Quảng Ninh hướng tới thành trung tâm du lịch quốc tế và kinh tế – P/v ông Nguyễn Xuân Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh. *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, 17, 6–7.
- Nguyễn Văn Thảo. (2015). *Nghiên cứu biến động địa hình trong mối quan hệ với các hệ sinh thái ven biển tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS [Luận án Tiến sĩ Địa lí]*. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Trung Lương, Đặng Duy Lợi, Vũ Tuấn Cảnh, Nguyễn Văn Bình, & Nguyễn Ngọc Khánh. (2000). *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Phạm Trung Lương, Hoàng Hoa Quân, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Lan, & Đỗ Quốc Thông. (2002). *Du lịch sinh thái, những vấn đề lý thuyết và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh. (2019). *Nhiệm vụ “Lập quy hoạch thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh”*.
- Thủ tướng chính phủ. (2013a). *Quyết định 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Thủ tướng chính phủ. (2013b). *Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt QHTT phát triển du lịch vùng ĐBSH và duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Thủ tướng chính phủ. (2014). *Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/1/2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 80/2023/QĐ-TTg ngày 11/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch KT-XH tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Tổng cục Du lịch. (2023). *Dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (báo cáo tổng hợp)*.
- Trường Đại học Hạ Long. (2022). *Nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế biển khu vực ven bờ tỉnh Quảng Ninh và phụ cận [Báo cáo khoa học đề tài cấp nhà nước mã số: ĐTDL.XH.01/19]*. Trường Đại học Hạ Long.
- UBND tỉnh Quảng Ninh. (2023). *Quyết định số 2256 ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Đề án phục hồi và phát triển bền vững ngành du lịch Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2050*.